

TÀI LIỆU LẮP ĐẶT VÀ SỬ DỤNG

Phiên bản 1.04

W100 – W100ANA

- Convertitore A/D 24 bit (16000000 punti) 4800Hz
- Divisioni di lettura 999999
- Frequenza di acquisizione 300 Hz
- A/D Converter 24bit (16000000 points) 4800Hz
- Display range 999999
- Conversion rate 300 Hz

CE - M
APPROVABLE
10000 divisions
0.2 μ V/VS1



CE 2004/108/EC

EN55022 EN61000-6-2 EN6100-6-4

CẢNH BÁO NGƯỜI DÙNG

CÁC KHUYẾN CÁO CHO SỬ DỤNG PHÙ HỢP VỚI THIẾT BỊ CÂN

- Tránh xa nguồn nhiệt và ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.
- Tránh sửa chữa thiết bị trong mưa. (Trừ phiên bản IP đặc biệt)
- Không rửa bằng vòi nước. (Trừ phiên bản IP đặc biệt)
- Không nhúng nước.
- Không đổ chất lỏng lên thiết bị.
- Không dùng dung môi để lau sạch thiết bị.
- Không lắp đặt những khu vực dễ gây cháy nổ.

CÁC KHUYẾN CÁO VỀ VIỆC LẮP ĐẶT ĐÚNG THIẾT BỊ CÂN

CÁC KHUYẾN CÁO LẮP ĐẶT ĐÚNG CẢM BIẾN TRỌNG LƯỢNG (Loadcell)

LẮP ĐẶT CẢM BIẾN TRỌNG LƯỢNG: Cảm biến phải được đặt trên kết cấu ổn định, cứng. Thật quan trọng để dùng đế đặt loadcell để bù lại bề mặt nền không phẳng.

BẢO VỆ DÂY CẢM BIẾN: dùng vỏ bọc chống nước và khớp nối để bảo vệ dây của cảm biến trọng lượng.

CHỐNG VA ĐẬP CƠ KHÍ (ống,...):

KẾT NỐI SONG SONG CÁC CẢM BIẾN TRỌNG LƯỢNG: Nối vài cảm biến song song bằng dùng hộp chống nước với hộp nối.

HÀN: Tránh hàn khi vừa lắp đặt loadcell. Nếu việc này không thể tránh, đặt mass đất hàn kẹp gần điểm cần hàn để ngăn dòng điện truyền trên thân loadcel.

ĐIỀU KIỆN CÓ GIÓ – VA CHẠM – RUNG ĐỘNG:

NỐI ĐẤT BÀN CÂN: Bằng phương tiện dây đồng với vùng phù hợp nối mặt đế trên và đế dưới của load cell, sau đó nối đế dưới với hệ thống nối đất đơn.



KIỂM TRA NGÕ VÀO CỦA CẢM BIẾN TRỌNG LƯỢNG



Khi mà hình cân hiển thị, nhấn nút giữ 3 giây, tín hiệu loadcell sẽ hiển thị, thể hiện đơn vị mv với 4 chữ số

KIỂM TRA CẢM BIẾN TRỌNG LƯỢNG

ĐO ĐIỆN TRỞ CẢM BIẾN TRỌNG LƯỢNG

- Không nối các loadcell với đầu cân và kiểm tra sao cho không có có dung dịch vào hộp nối cảm biến trọng lượng thông qua sự cô đặc hay thấm nước. Nếu không phải tháo nước trong hệ thống và thay thế nếu cần .
- Giá trị giữa dây tín hiệu dương và dây tín hiệu âm phải bằng hay tương tự trong bảng dữ liệu của loadcell (điện trở ngõ ra).
- Giá trị giữa dây nguồn nuôi dương và dây nguồn nuôi âm phải bằng hay tương tự trong bảng dữ liệu của loadcell (điện trở ngõ vào).
- Giá trị cách điện giữa vỏ và vài dây loadcell khác và giữa 1 vài dây loadcell với thân của loadcell phải cao hơn 20Mohm(mega ohm).

ĐO ĐIỆN ÁP CỦA CẢM BIẾN TRỌNG LƯỢNG

- Lấy loadcell ra để kiểm tra
- Chắc chắn dây nguồn nuôi kết nối với thiết bị là %Vdc +/- 3%.
- Đo tín hiệu phân hồi giữa dây tín hiệu dương và dây tín hiệu âm bằng kết nối trực tiếp chúng với thiết bị kiểm tra và chắc nó bao gồm từ 0 đến 0.5mv (1 phần ngàn Volt).
- Đặt tải lên loadcell, và chắc chắn tín hiệu tăng lên.

Nếu các điều kiện trên không đúng, bạn hãy liên hệ với Bộ phận hỗ trợ kỹ thuật.

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA THIẾT BỊ



- Đầu chỉ thị với 6 loadcell trong hộp DIN (48x96x130mm);

- Cân có thể in: ngày giờ hiện hành, trong 5 lượng thực / , định, ID (nếu bộ nhớ alibi đã được kích hoạt và thiết lập lại bì.
- Thiết bị được trang bị thêm 2 cổng nối tiếp: Rs 485 và Rs232 cho các kết nối sau:
 - PC/PLC thông qua ASCII và giao thức Modbus R.T.U.(Giao thức lựa chọn: Profibus Dp Và Ethernet/Mobus TCP)
 - Hiển thị trọng lượng từ xa
 - Máy in
- Truyền trọng lượng gộp hay trọng lượng tịnh với cổng nối tiếp Rs485 và RS232.

PIN ĐỆM

Thiết bị có gắn thêm 1 cục pin bên trong để cho phép giữ việc kích hoạt đồng hồ bên trong ngay khi không có nguồn.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Nguồn cung cấp và tải tiêu thụ	12 -24 vdc(tiêu chuẩn) +/-10%; 5W
Số loadcell nối song song và nguồn cung cấp	Tối đa 8 (350 ohm);5vdc/120mA
	<0.01% F.S; <0.01% F.S.
	<0.0005% F.S./ °C
Chuyển đổi A/D	24 bit (16 triệu điểm)
Độ chia lớn nhất (với thang đo: +/-10mV = độ nhạy 2mV/V)	+/- 999999
Thang đo	+/- 39mV
Độ nhạy lớn nhất của cảm biến trọng lượng có thể sử dụng	+/- 7mV/V
Chuyển đổi lớn nhất trên giây	Chuyển đổi 300/ giây
Vùng hiển thị	-999999; + 999999
Số	0-4/ x 1 x 2 x 5 x 10 x 20 x 50 x 100
Lọc số / khả năng đọc trong 1 giây	0.012-7 giây/5-300 hz
Ngõ ra rờ le logic	N.5- lớn nhất 115VAC, 150mA (N.4 Chế độ ngõ ra tương tự)
Ngõ vào logic	N.3 –optoisolati 5 - 24vdc PNP (N.2 – chế độ ngõ ra tương tự)
Cổng nối tiếp	RS485, RS232
Tốc độ truyền	2400,4800,9600,19200,38400,115200
Độ ẩm	85%
Nhiệt độ lưu trữ	-30°C + 80°C
Nhiệt độ làm việc	-20°C + 60°C

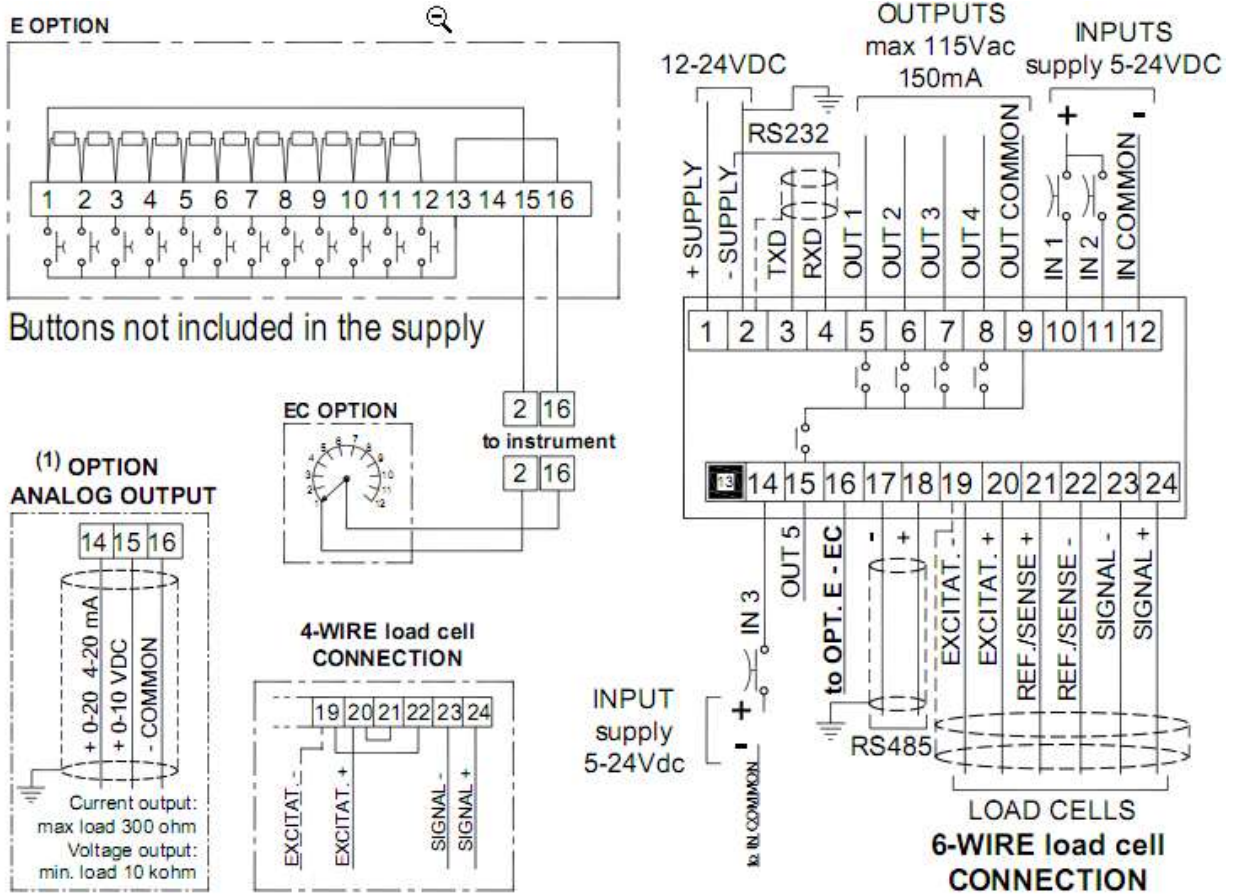
KẾT NỐI ĐIỆN

1	+ nguồn cung cấp dương(12-24 VDC)	13	
2	-Nguồn cung cấp âm (12 -24 VDC) Nối đất, RS232: vỏ; GND Chọn lựa E/EC	14	Ngõ vào số 3(+VDC thấp nhất 5V cao nhất 24 V) Mặt khác: + Ngõ ra tương tự 0-20 hay 4-20mA
3	RS232: TXD	15	Ngõ ra số 5 Mặt khác: + Ngõ ra tương tự 0-20 hay 4-20mA
4	RS232: RXD	16	OPZIONE E\EC Mặt khác: + Chân chung của ngõ ra tương tự
5	Ngõ ra số 1	17	RS485: - âm
6	Ngõ ra số 2	18	RS485: + dương
7	Ngõ ra số 3	19	-nguồn cung cấp âm cho cảm biến trọng lượng (-Exc)
8	Ngõ ra số 4	20	+Nguồn cung cấp dương cho cảm biến trọng lượng (+EXC)
9	Ngõ ra chung(Chân chung các ngõ ra)	21	+ REF/SENSE
10	Ngõ vào số 1(+VDC thấp nhất 5V cao nhất 24 V)	22	-REF/SENSE
11	Ngõ vào số 2 (+VDC thấp nhất 5V cao nhất 24 V)	23	-Tín hiệu cảm biến âm
12	Chân chung ngõ vào (-VDC 0v)	24	+Tín hiệu cảm biến dương


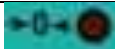



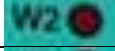

THÔNG TIN CƠ BẢN












- Nên nối nguồn cung cấp âm với đất.
- Có thể cấp cho 8 cảm biến 350ohm hay 16 cảm biến 700 ohm.
- Với cảm biến trọng lượng 4 dây, tạo nối giữa EX- và REF- và Giữa EX+ và REF+.
- Kết nối với domino “-Supply”(Nguồn âm) với chân chung của RS485

SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY




CHỨC NĂNG ĐÈN VÀ PHÍM

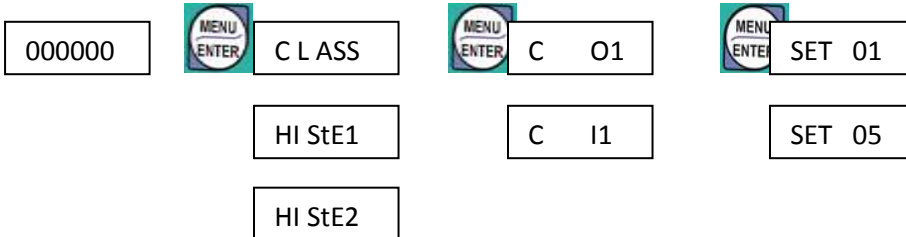
ĐÈN	Chức năng chính	Chức năng phụ *
	Đèn trọng lượng thực: hiển thị trọng lượng thực (bì bán tự động và giá trị bì ban đầu)	Đèn lit: gõ vào 1 đóng
	Đèn Zero	Đèn lit: gõ vào 2 đóng
	Đèn ổn định	Đèn lit: gõ vào 3 đóng
	Đơn vị đo: Kg	Đèn lit: Ngõ ra 4 đóng
	Đơn vị đo :g	Đèn lit: Ngõ ra 5 đóng
		Đèn lit: Ngõ ra 1 đóng
		Đèn lit: Ngõ ra 2 đóng
		Đèn lit: Ngõ ra 3 đóng

PHÍM	Nhấn ngắn	Nhấn dài (3s)	Vào Menu
	Lấy zero bán tự động		
	Tổng trọng lượng → Thực	Thực → tổng	
	In trọng lượng thực	Kiểm tra cảm biến trọng lượng mV	
	Thiết lập điểm đặt và bù trở		Xác nhận và vào mục Menu
 + 	Thiết lập thông số chun (nhấn  ngay cùng nút )		
 + 	Thiết lập lại giá trị bì (Nhấn nút  ngay cùng nút )		

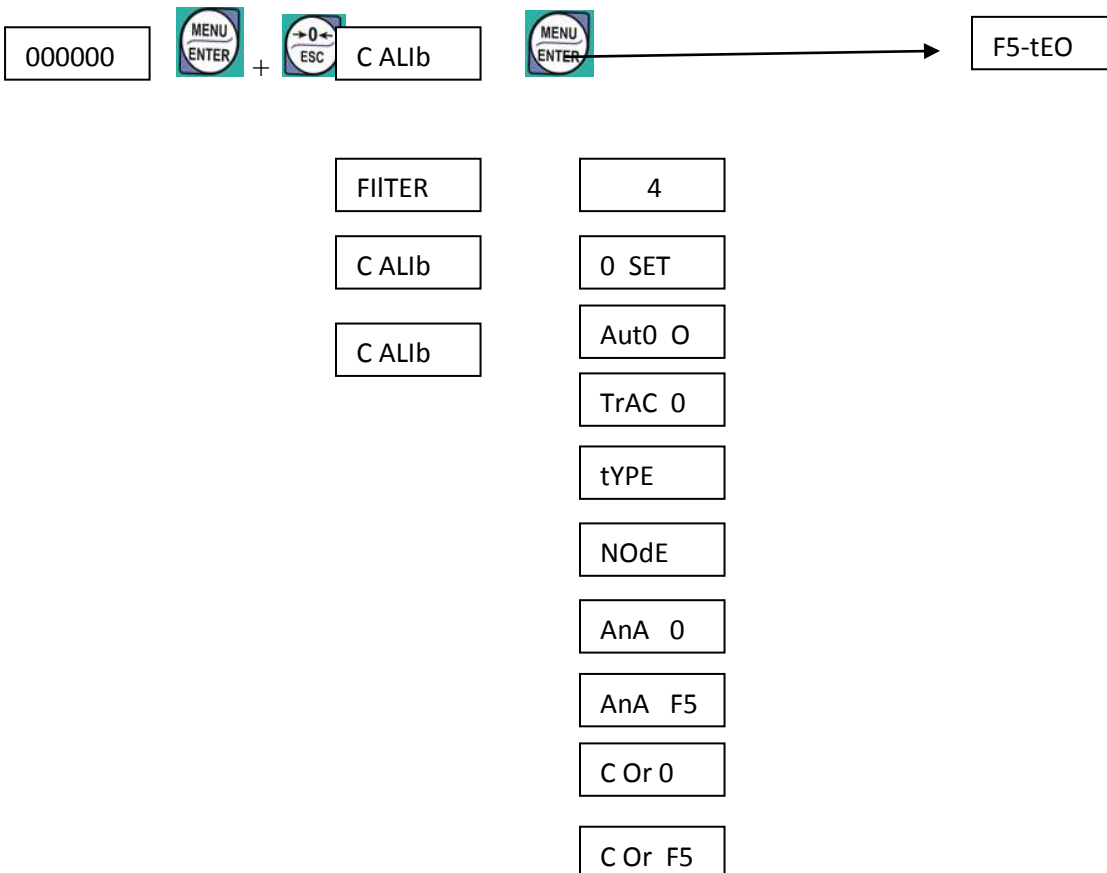
SƠ ĐỒ MENU

Bên trong Menu, nhấn nút  những thay đổi tức thời (không xác nhận hơn nữa).

CÁC ĐIỂM ĐẶT



CÁC THÔNG SỐ HỆ THỐNG



Các chức năng thiết bị:

Trên công tắc on, màn hình chỉ chuỗi:

- 111111 → 999999
- Mẫu thiết bị(Ví dụ:U100)
- “SU” mã số phần mềm đi kèm(ví dụ: SU 5);
- Lại chương trình: bASE (cơ bản).
- “r” phiên bản kèm theo.
- “HU” theo mã phần cứng.(ví dụ: HU 104);
- Số seri e.g: 1005 15

Kiểm tra màn hình hiển thị chỉ trọng lượng và khi đặt tải lên cảm biến trọng lượng, có sự tăng trọng lượng. Nếu không kiểm tra và kiểm lại kết nối và đúng vị trí của cảm biến.

- Nếu thiết bị không được hiệu chuẩn lý thuyết.
 - Thiết lập lại Zero.(xem đoạn: thiết lập Không trọng lượng bì)
 - Kiểm tra hiệu chuẩn với trọng lượng mẫu với đúng trọng lượng hiển thị nếu cần thiết (xem phần Hiệu chuẩn Thực(với trọng lượng mẫu))
- Nếu thiết bị không được hiệu chuẩn
 - Nếu dữ liệu cảm biến không biết

LẬP TRÌNH THAM SỐ HỆ THỐNG

Với màn hình hiển thị, nhấn đồng thời các phím  và  để vào thiết lập các thông số



: vào bảng chọn hay xác định đường vào dữ liệu



: điều chỉnh giá trị hiển thị hay mục chọn



: chọn giá trị mới hay chỉnh mục chọn hiển thị



: hủy bỏ và quay về menu trước.

HIỆU CHUẨN LÝ THUYẾT

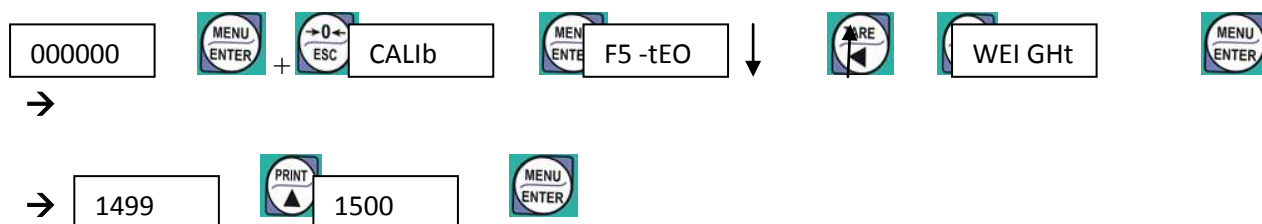
Đây là chức năng cho phép thiết lập giá trị tỉ lệ cảm biến trọng lượng.

KHẢ NĂNG CÂN LỚN NHẤT

THIẾT LẬP LẤY ZERO TRỌNG LƯỢNG, BÌ

VÀO ĐIỀU KHIỂN GIÁ TRỊ ZERO


HIỆU CHUẨN THỰC



Sau khi thực hiện hiệu chuẩn lý thuyết và cài đặt zero bì, chức năng này cho phép hiệu chuẩn đúng với các mẫu cân đã biết giá trị. Và nếu cần thiết vài độ lệch giá trị hiển thị được sửa đúng với giá trị đúng.

Đặt trên bàn cân 1 mẫu thử cân mà mẫu phải tối thiểu bằng 50% khả năng cân của cân.

Bằng cách xác định thông tin WEIGHT, cân hiển thị giá trị trọng lượng đang nhấp nháy. Lúc này, tắt cả đèn Led tắt. Điều khiển giá trị hiển thị bằng cách dùng phím mũi tên nếu cần. Sau khi xác nhận, trọng lượng mới thiết lập sẽ xuất hiện các đèn Led nhấp nháy.

Sau khi xác nhận bổ sung, thông tin WEIGHT sẽ được lưu trữ và bằng cách nhấn lại phím , trọng lượng sẽ hiển thị lại 1 lần nữa.

Ví dụ: Ta có 1 cái cân có khả năng cân lớn nhất là 1000 kg và bước nhảy 1kg, 2 mẫu thử có sẵn (1 mẫu là 500kg và mẫu kia 300kg).Đặt 2 mẫu thử cân lên bàn cân, và cân hiển thị đúng 800. Bây giờ, bỏ mẫu cân 300kg ra ngoài, cân phải chỉ 500. Bỏ tiếp mẫu thử cân 500kg ra khỏi bàn cân, Cân phải trở về 0. Nếu việc này không xảy ra, có nghĩa có vấn đề về cơ khí ảnh hưởng đến sự tuyến tính của cân.



Màn hình trọng lượng cho phép thiết lập tham số ổn định.

Hiệu quả tăng lên (trọng lượng ổn định hơn) giá trị tăng lên (từ 0 tới 9, 4 mặc định)

Như đã thất trên sơ đồ:

- Xác nhận bởi thông tin FILTER, lập trình lọc hiện giá trị trên màn hình.
- Thay đổi và xác nhận giá trị
- Nếu sự ổn định không thỏa đáng, xác nhận thông tin FILTER và lọc có thể sửa đổi lại cho đến khi đạt được kết quả tối ưu.
- Bộ lọc cho phép trọng lượng ổn định lâu hơn. Nó biến thể nhỏ hơn tương ứng “ thời gian đáp ứng “. Ứng dụng của nó cần thiết để lọc theo loại và giá trị tới toàn bộ cân.

Gía Trị Lọc	Thời Gian Đáp Ứng (ms)	Tần Số hiển thị và Cổng Kết Nối (Hz)
0	12	300
1	150	100
2	260	50
3	425	25
4 (mặc định)	850	12.5
5	1700	12.5
6	2500	12.5
7	4000	10
8	6000	10
9	7000	5

THAM SỐ ZERO



THIẾT LẬP LẠI TRONG LƯƠNG CÓ THỂ ĐẶT LẠI VỚI SỰ THAY ĐỔI TRONG LƯƠNG NHỎ

0 SET (từ 0 tới tối đa toàn bộ cân; mặc định: 300; phân thập phân: 300-30.0-3.00-0.300): tham số hiển thị trọng lượng tối đa bởi điểm tiếp xúc bên ngoài, bàn phím nhỏ hoặc giao thức nối tiếp.

THIẾT LẬP TỰ ĐỘNG VỀ ZERO KHI CÓ NGUỒN

AUTO 0 (từ 0 tới tối đa 20% của toàn bộ cân; mặc định: 0): Nếu chuyển đổi giá trị trọng lượng thấp nhất giá trị đặt trong tham số đó và không vượt quá giá trị 0 SET, trọng lượng được thiết lập lại. Chức năng vô hiệu hóa, đặt 0.

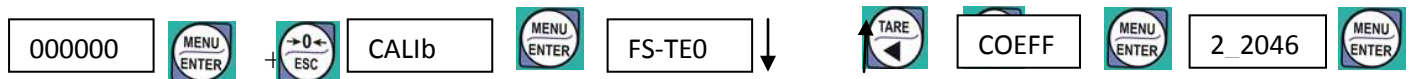
PHẦN ZERO

TRAC 0 (từ 1 tới 5, mặc định: none): khi giá trị trọng lượng 0 ổn định và sau 1 giây, nó bị lệch từ 0 bởi số chia nhỏ hơn hoặc bằng số chia đặt trong tham số, trọng lượng đặt tới 0. Vô hiệu hóa chức năng, đặt none.

THIẾT LẬP ĐƠN VỊ ĐO

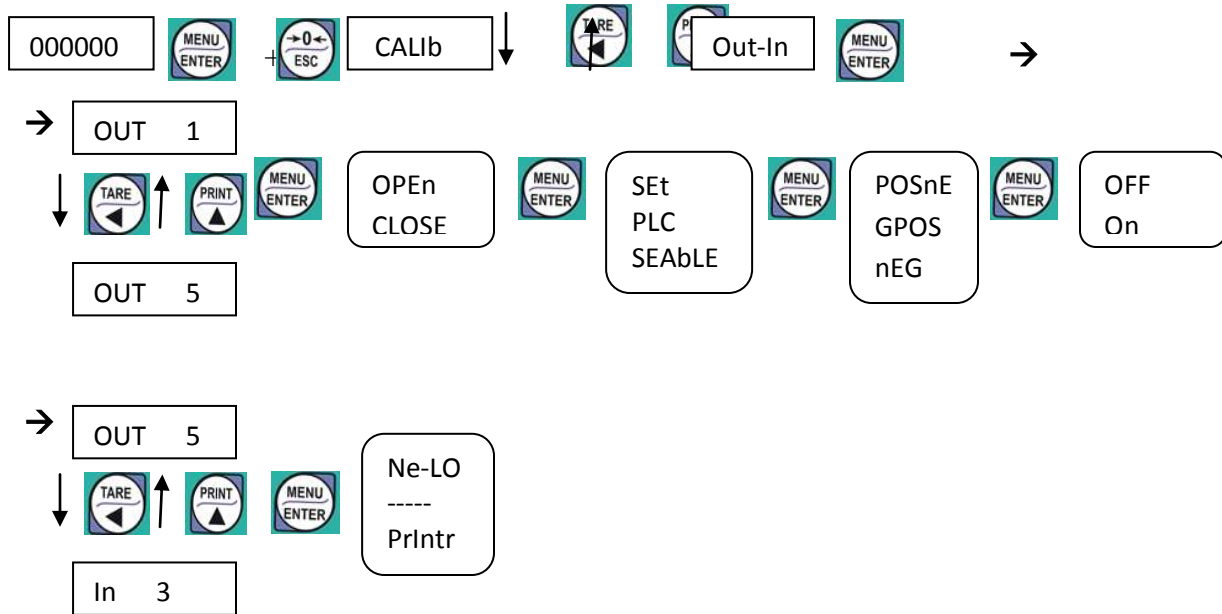


HỆ SỐ HIỂN THỊ



Màn hình thiết lập hệ số COEFF là thay đổi phù hợp.

CẤU HÌNH NGỒ VÀO VÀ NGỒ RA




NGỒ RA

Ngõ ra được mặt định như sau: OPEn/ SEt/ POSnEG/ OFF.

Phương thức hoạt động:

- OPEn (mở thông thường): Chuyển tiếp năng lượng và mở tiếp xúc khi lập trình giá trị điểm đặt trọng lượng thấp nhất; nó đóng khi trọng lượng cao hơn hoặc bằng lập trình giá trị điểm đặt.
- CLOSE (đóng thông thường): Chuyển tiếp năng lượng và đóng tiếp xúc khi lập trình giá trị điểm đặt trọng lượng thấp nhất; nó mở khi trọng lượng cao hơn hoặc bằng lập trình giá trị điểm đặt.

- SET: Điểm tiếp xúc sẽ chuyển đổi trên trọng lượng cơ bản, tùy theo điểm đặt
 - PLC: Điểm tiếp xúc sẽ không chuyển đổi trên trọng lượng cơ bản, nhưng kiểm soát bằng giao thức điều khiển từ xa.
 - StABLE: xảy ra chuyển đổi tiếp khi trọng lượng ổn định.
 - Nếu mẫu chọn SET hoạt động, tùy chọn 1 số hoạt động như sau:
 - GROSS: Điểm tiếp xúc sẽ chuyển đổi trên tổng trọng lượng cơ bản.
 - NET: Điểm tiếp xúc sẽ chuyển đổi trên trọng lượng thực cơ bản. (Nếu chức năng thực không hoạt động, điểm tiếp xúc sẽ chuyển đổi trên tổng trọng lượng cơ bản).
 - POSNEG: Chuyển đổi chuyển tiếp xảy ra cho cả 2 giá trị trọng lượng xác thực và không xác thực
 - POS: Chuyển đổi chuyển tiếp xảy ra chỉ cho giá trị trọng lượng xác thực
 - NEG: Chuyển đổi chuyển tiếp xảy ra chỉ cho giá trị trọng lượng không xác thực
- Xác nhận  với hoạt động điểm đặt có thể đặt giá trị “0”:
- OFF: Chuyển đổi chuyển tiếp sẽ không xảy ra nếu giá trị điểm đặt là “0”.
 - ON:
 - Điểm đặt = “0” và NODES= POSNEG, chuyển đổi chuyển tiếp xảy ra khi trọng lượng là “0”; chuyển tiếp sẽ chuyển đổi lại khi trọng lượng khác 0. (cả 2 trọng lượng xác thực và không xác thực).
 - Điểm đặt = “0” và NODES= POS, chuyển đổi chuyển tiếp xảy ra khi trọng lượng cao hơn hoặc bằng “0”, chuyển tiếp sẽ chuyển đổi lại cho giá trị thấp hơn “0”
 - Điểm đặt = “0” và NODES= NEG, chuyển đổi chuyển tiếp xảy ra khi trọng lượng thấp hơn hoặc bằng “0”, chuyển tiếp sẽ chuyển đổi lại cho giá trị cao hơn “0”

NGÕ VÀO

Mặt định: ngõ vào 1=2Er0 ngõ vào 2=Ne-L0 Ngõ vào 3= PEAH

Phương thức hoạt động:


- Ne-LO (NET/GROSS): Đóng ngõ vào không hơn 1 giây, Hoạt động của bì bán tự động và sẽ hiển thị trọng lượng thực. Hiển thị lại tổng trọng lượng, giữ nút NET/GROSS đóng cho 3 giây.
- 2Er0: Đóng các nút không hơn 1 giây, đặt trọng lượng 0
- PEAH: Giữ ngõ vào đóng giá trị tối đa trọng lượng. Mỡ ngõ vào trọng lượng hiện tại hiển thị.
- PLC: Thực hiện đóng ngõ vào không hoạt động, tuy nhiên tình trạng ngõ vào đọc từ xa các thông tin của giao thức.
- CONTI n: Đóng ngõ vào trọng lượng tối đa 1 giây, trọng lượng truyền nối tiếp theo giao thức truyền liên tục.
- COEFF: Khi ngõ vào đóng trọng lượng thì hiển thị cơ bản trên hệ số.

- PRINTR: khi dữ liệu ngõ vào đóng thì gửi cho bảng in nếu trong thông tin giao thức hay công nối tiếp đặt tham số PRINTR


BÌ BÁN TỰ ĐỘNG







BÌ BÁN TỰ ĐỘNG HOẠT ĐỘNG THÌ DỤNG CỤ TẮT NGUỒN

Thực hiện hoạt động thực (BÌ BÁN TỰ ĐỘNG), đóng ngõ vào NET/GROSS hoặc nhấn phím 

Chưa tới 3 giây. Dụng cụ hiển thị trọng lượng thực (chỉ đặt Zero) và tắt đèn NET LED.

Hiển thị tổng trọng lượng lại, giữ ngõ vào NET/GROSS đóng hoặc nhấn  trong 3 giây. Hoạt động có thể lặp đi lặp lại nhiều lần bởi hoạt động cho phép tải 1 số sản phẩm


BÌ ĐẶT TRƯỚC

000000


P-tArE

0





Thực hiện nhấn giá trị bì trừ từ giá trị hiển thị cung cấp P-tArE \leq công suất tối đa.

Sau khi thiết lập giá trị trừ bì, sẽ trở lại trọng lượng hiển thị, hiển thị trọng lượng thực và đèn NET LED tắt hiển thị nhập trừ bì.

Xóa bỏ bì cài sẵn và trở lại tổng trọng lượng hiển thị, giữ xuống  trong 3 giây hoặc đóng giữ ngõ vào NET/GROSS cho thời gian dài như nhau (3 giây). Giá trị trừ bì cài sẵn đặt tới Zero. Tắt NET LED khi trọng lượng thực hiển thị lại 1 lần nữa.



Trong khi hiển thị trọng lượng thực, giữ nhấn phím  hiển thị tạm thời tổng trọng lượng. Trọng lượng thực sẽ hiển thị lại.





- Nếu nhập bì bán tự động, nó không thể truy cập chức năng nhập trừ bì
- Nếu nhấn trừ bì thì nhập, nó vẫn có thể truy cập chức năng bán tự động. Thêm 02 loại khác nhau của trừ bì



Tắt cả chức năng bán trừ bì và chức năng cài sẵn bì sẽ mất khi dụng cụ tắt.

ZERO BÁN TỰ ĐỘNG

Đóng ngõ vào Zero bán tự động, trọng lượng đặt Zero; cách khác nhấn phím  không quá 3 giây, thông báo hiển thị STOREP cho 3 giây, nhấn  trọng lượng đặt tới zero

Chức năng chỉ cho phép nếu trọng lượng giảm giá trị 0 SET, mặt khác cảnh báo t..... xuất hiện và trọng lượng không đặt Zero.







ĐỈNH

Giữ ngõ vào đóng trọng lượng tối đa giá trị hiển thị giữ nguyên đạt được. Mở ngõ vào trọng lượng hiển thị hiện tại.














Nếu muốn sử dụng ngõ vào tới đỉnh biến thể đột ngột, đặt bộ lọc trên trọng lượng tới 0.

NGÕ RA TƯƠNG TỰ

000000  +  CALib ↓   AnALOG  tyPE  4-20Nr

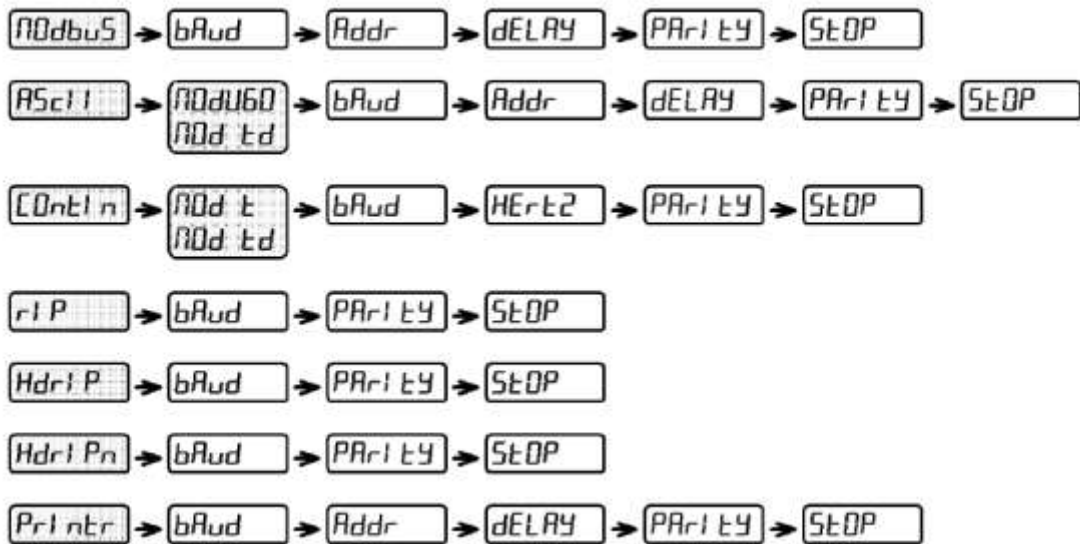
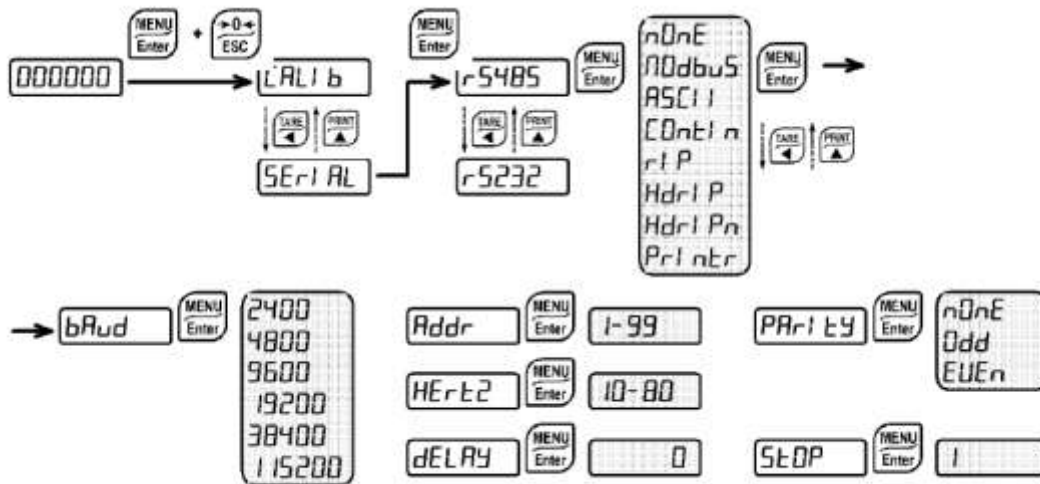
-5 5U

 → NOdE  GrOSS nFt  AnR 0  0  AnA F5 

→ 20000  Cor 0  4.000  Cor FS  20.000 

- TyPE: Chọn ngõ ra analog loại (4-20 mA, 0-20mA, 0-10V, 0-5V, -10+10V, -5 +5V; mặt định: 4-20Ma).
-

THIẾT LẬP GIAO TIẾP NỐI TIẾP



Theo cách chọn giao thức (Modbus, ASCII, ..), chỉ thiết lập thông số cần thiết Bên dưới:

Đèn Led sáng nhấp nháy và hiển thị thông số đang được thiết lập, không cần

- ❖ Thông Số RS485: cho phép chọn loại giao tiếp:
 - Modbus: Cho phép giao tiếp với ModBus –RTU với địa chỉ từ 1 đến 99.
 - ASCII: Cho phép giao tiếp với giao thức ASCII (chế độ truy vấn) địa chỉ có thể từ 1 đến 99.
 - . ModU60: giao tiếp thống nhất với W60000.
 - . Mod td: giao tiếp tương thích với TDRS485.

- Printr: gửi đến máy in dữ liệu gồm : ngày giờ, loại thiết bị, trọng lượng có bì, trọng lượng thực. Trọng lượng tính từ điểm hiện tại khi nhấn nút Print hay gõ vào của cân thiết lập chế độ” Print” đóng.
- COntl n: truyền giá trị trọng lượng cân liên tục(xem giao thức truyền liên tục nhanh) với tần số chọn dưới kí hiệu: HErt2(từ 10 đến 80).

Tần Số lớn nhất có thể đặt:

- 20 HZ với tốc độ truyền tối thiểu 2400.
 - 40 Hz với tốc độ truyền tối thiểu 4800.
 - 80 Hz với tốc độ truyền tối thiểu 9600.
- MOb t:giao tiếp xác định với TXRS485.
 - MOb td: giao tiếp tương thích với TDRS485.
- riP: cho phép giao tiếp 1 chiều với lặp lại bản Rip, trọng lượng bì hay thực được hiển thị lặp lại dựa vào cách đặt .(Đặt thông số lặp lại Rip tương thích baud:9600, PArt=none, stop=1)
 - HdriP: cho phép giao tiếp 1 chiều với lặp lại bản HdRip, trọng lượng bì hay thực được hiển thị lặp lại dựa vào cách đặt .(Đặt thông số lặp lại Rip tương thích baud:9600, PArt=none, stop=1)
 - HdriPn: cho phép giao tiếp 1 chiều với lặp lại bản HdRip
Chế độ lặp lại trọng lượng cả bì.
 - Nếu W100 chỉ hiển thị trọng lượng cả bì, thì chế độ lặp lại chỉ trọng lượng cả bì.
 - Nếu w100 chỉ hiển thị trọng lượng thực thì chế độ lặp lại chỉ trọng lượng thực và luân chuyển chữ “Net” .(Đặt thông số lặp lại Rip tương thích baud:9600, PArt=none, stop=1)
 - None: Không cho phép tất cả các loại giao tiếp (Mặc định).
 - ❖ BAUd: cho phép chọn tốc độ truyền. Có thể với tốc độ:2400,4800.9600,19200,38400,115200..
 - ❖ Addr: cho phép đặt địa chỉ giao tiếp từ 1 đến 99
 - ❖ HErt2: Tần số truyền lớn nhất được đặt khi lựa chọn chuẩn truyền thông”Cont n”(10-20-30-0-50-60-70-80).
 - ❖ dELAY: Cho phép giá trị delay được đặt mili giây để tín hiệu cho phép nhận trước tín hiệu truyền phản hồi từ 0 đến 200 msec.
 - ❖ Parity:
 - None: không parity
 - Odd: Parity lẻ
 - EVEn: Pariry chẵn
 - ❖ Stop: Bít dừng 1 hoặc 2

GIAO TIẾP NỐI TIẾP RS 485

KẾT NỐI TRỰC TIẾP GIỮA RS485 VÀ RS232 KHÔNG CẦN THIẾT BỊ CHUYỂN ĐỔI

KIỂM TRA

THIẾT LẬP NGÀY GIỜ

LẬP TRÌNH ĐIỂM ĐẶT

TÍN HIỆU BÁO

MẪU IN

LƯU TRỮ CHO NGƯỜI LẮP ĐẶT



KHÓA MENU

MỞ KHÓA MENU

MỞ KHÓA MENU HIỆN HÀNH

LỰA CHỌN CHƯƠNG TRÌNH VÀ XÓA DỮ LIỆU

KHÓA PHÍM HAY HIỆN THỊ

Nhấn  ngay sau đó nhấn  giữ 5 giây

